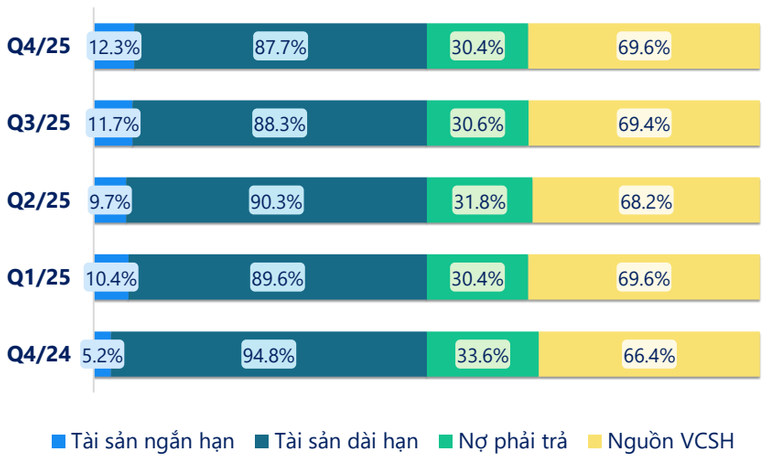
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc (UPCOM: NED)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,522
SL cổ phiếu LH	40,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,745
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	275
P/E	7.3
EPS	934

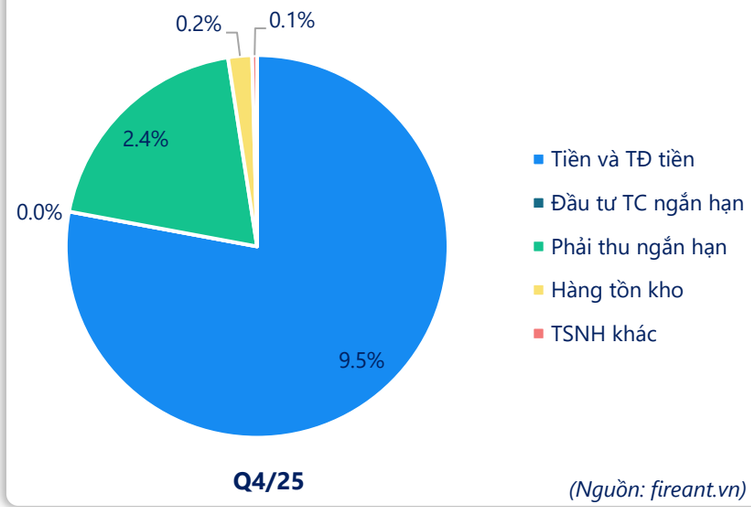
	YTD	1T	3T	6T
NED	0.9%	1.5%	-2.9%	-4.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



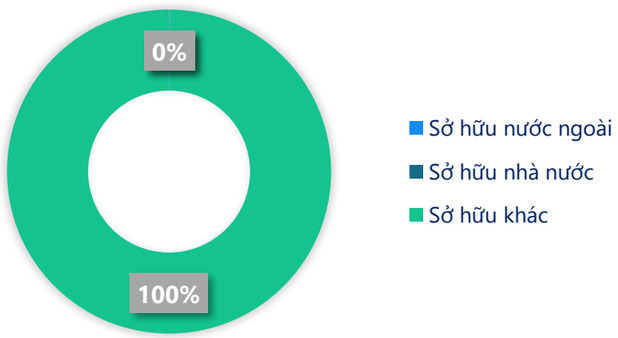
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



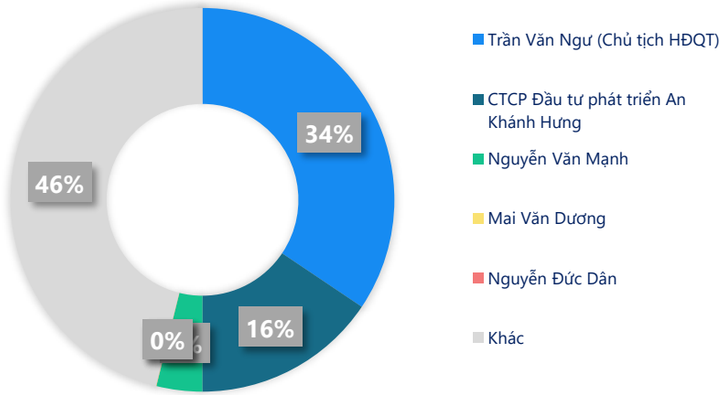
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



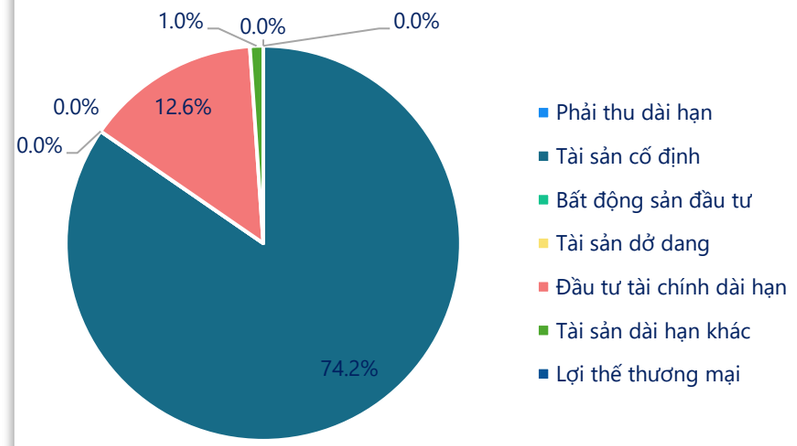
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

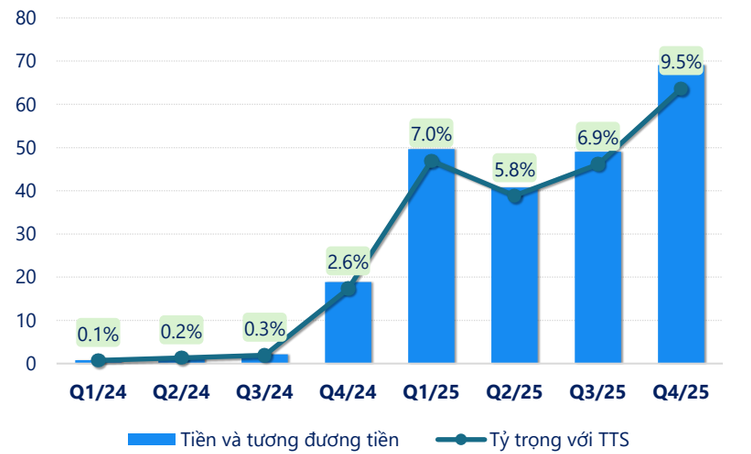


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc (UPCOM: NED)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



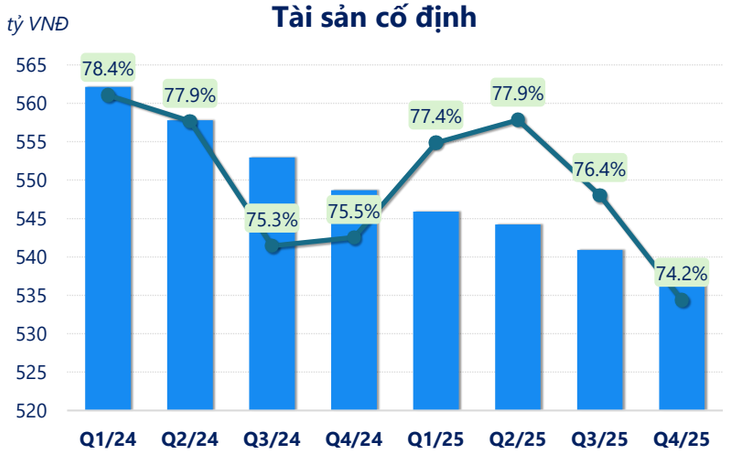
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



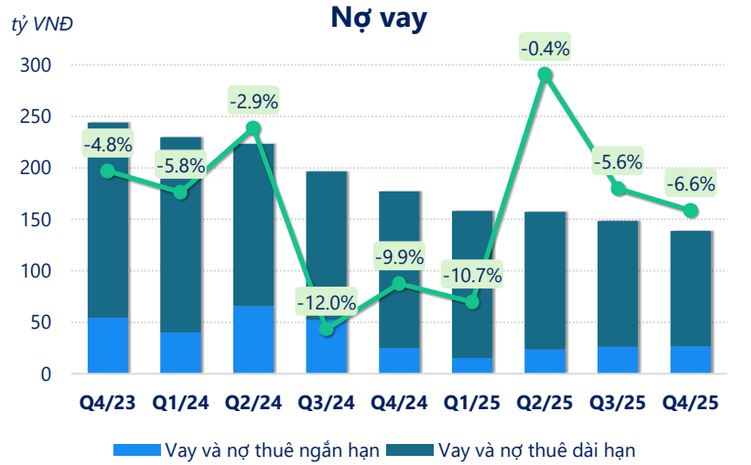
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



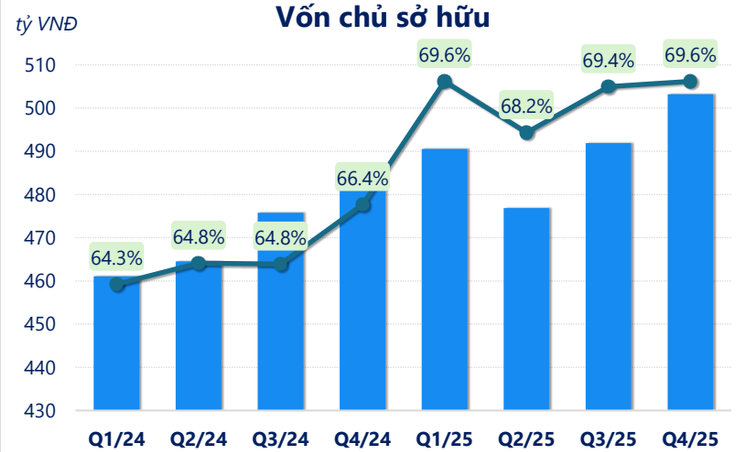
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

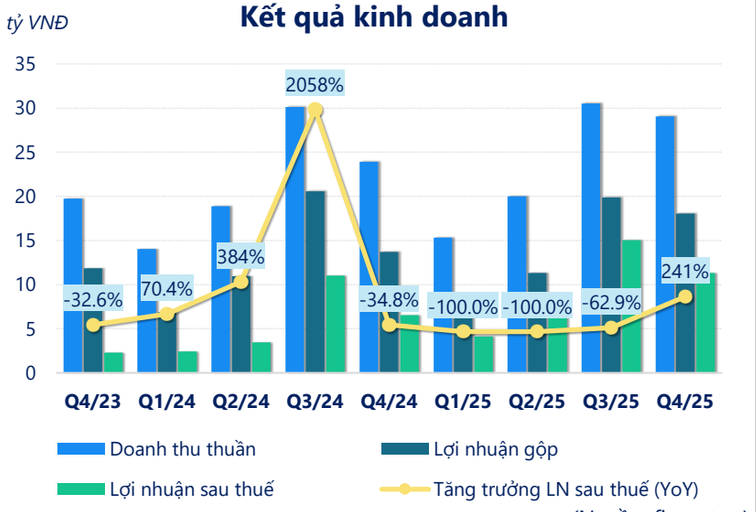


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

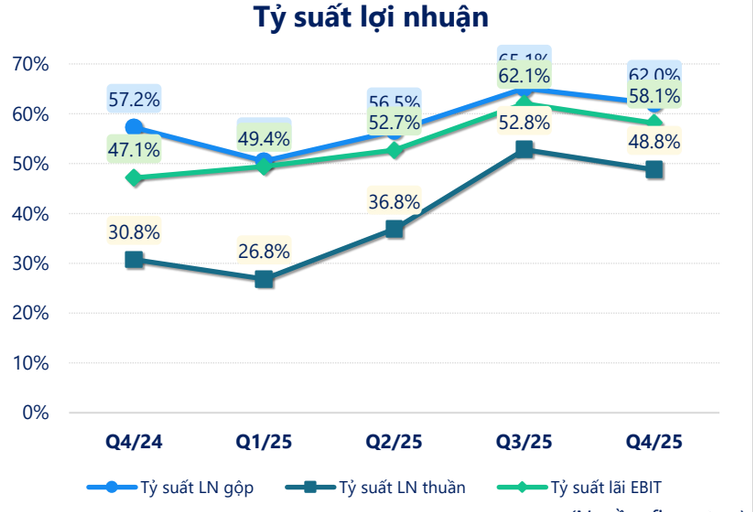
CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc (UPCOM: NED)

Kết quả kinh doanh



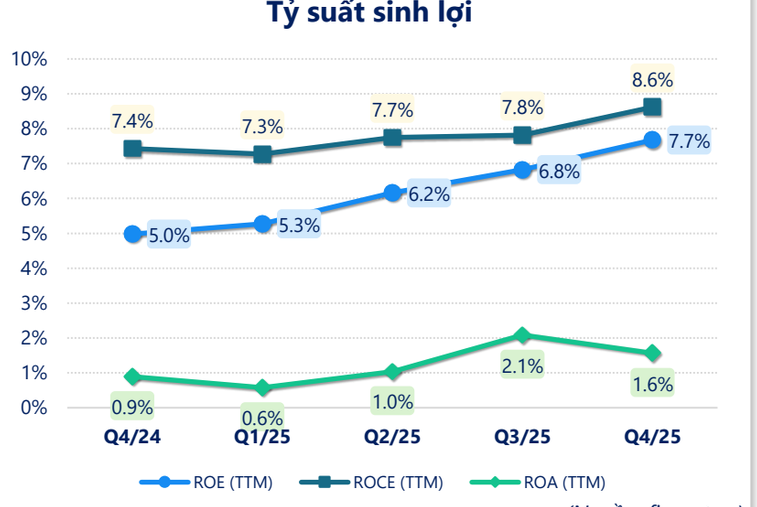
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



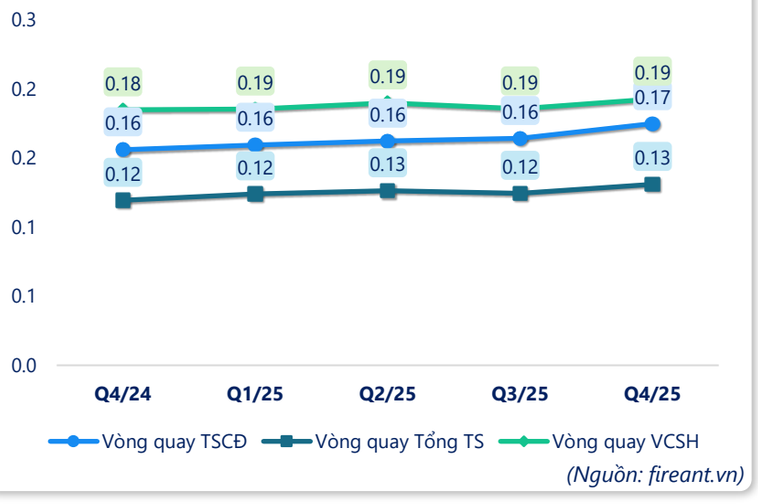
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



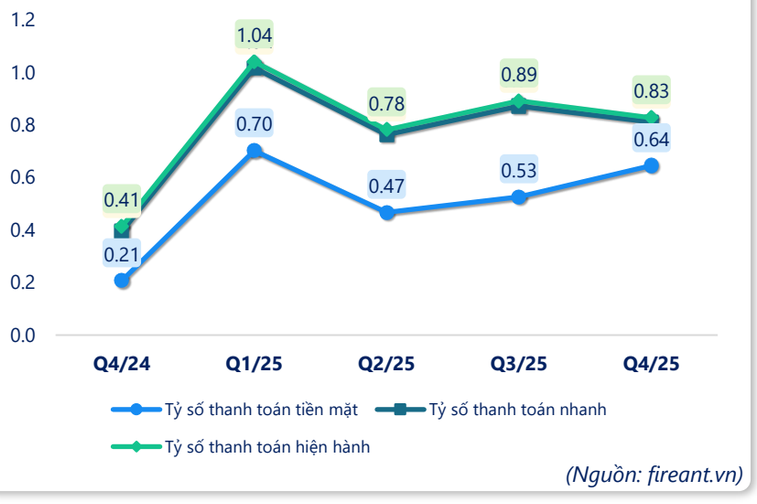
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



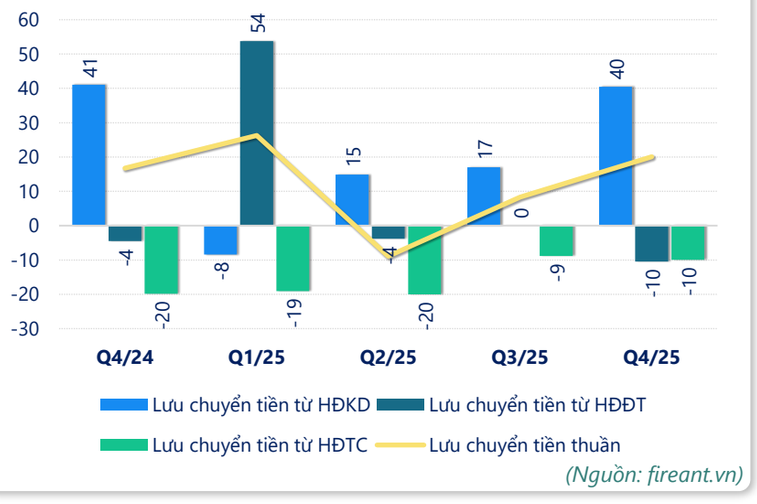
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc (UPCOM: NED)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**723**	**728**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	88.6	38.5	130%
Tiền và tương đương tiền	69.1	23.4	196%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	17.4	12.7	36.6%
Hàng tồn kho	1.79	1.71	5.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.72	-48.8%
Tài sản dài hạn	**635**	**689**	**-7.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	537	549	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	90.8	131	-30.5%
Tài sản dài hạn khác	**6.92**	**9.68**	**-28.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	220	241	-8.7%
Nợ ngắn hạn	**107**	**87.9**	**21.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.9	24.9	7.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.88	7.75	-36.9%
Nợ dài hạn	113	153	-26.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	112	152	-26.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**503**	**486**	**3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**503**	**486**	**3.4%**
Vốn điều lệ	405	405	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	23.9	15.3	20.0	30.5	29.1
Giá vốn hàng bán	10.2	7.58	8.70	10.6	11.0
Lợi nhuận gộp	13.7	7.74	11.3	19.9	18.0
Doanh thu HĐTC	0.00	1.37	1.54	0.80	1.04
Chi phí TC	3.93	3.47	3.31	2.82	2.74
Chi phí lãi vay	3.93	3.47	3.18	2.82	2.72
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.41	1.53	2.17	1.73	2.14
LN thuần từ HĐKD	7.36	4.11	7.37	16.1	14.2
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00	-0.01	0	-0.02
LN trước thuế	7.35	4.11	7.36	16.1	14.2
Lợi nhuận sau thuế	6.52	4.11	7.36	15.0	11.3
LNST của CĐ cty mẹ	6.52	4.11	7.36	15.0	11.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	41.0	-8.45	14.9	17.0	40.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.50	53.8	-3.79	0.10	-10.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.8	-19.1	-20.0	-8.85	-9.92
Tiền đầu kỳ	2.15	23.4	49.6	40.7	49.0
Lưu chuyển tiền thuần	**16.7**	**26.3**	**-8.89**	**8.28**	**20.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.9	49.6	40.7	49.0	69.1

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic